

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày: 03 – 01 – 2025

V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tào Diệu Như, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Châu Ngọc Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 240/2024/TLST – DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ liên lạc: Số A đường T, Khóm B, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông **KANOKWATPAISAL NAPAT** – Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Văn bản ủy quyền số 32/2024/UQ-SVN ngày 01/7/2024. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Bà **Phương Thị T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/7/2024 (bút lục 21 - 23) và các lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Ngày 14/11/2020, bà Phương Thị T ký Hợp đồng cầm cố số BAM201101015NA20X với Công ty cổ phần S - Chi nhánh B - Công ty TNHH S1 (sau đây viết tắt là Công ty) để cầm cố 01 xe mô tô biển kiểm soát 94K2-

103.81, số loại: Honda, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đen bạc, số khung 3926LY010545, số máy: JA39E2010678, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 122814 do Công an tỉnh B cấp ngày 06/11/2020; cầm cố số tiền 14.700.000 đồng, thời hạn 18 tháng; mục đích cầm cố để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh, giải ngân ngày 14 tháng 11 năm 2020, hàng tháng thanh toán số tiền 1.267.373 đồng vào ngày ký hợp đồng hàng tháng, từ tháng 12/2020 đến tháng 5/2022; lãi suất trong hạn 1.1% số tiền cầm cố/tháng; lãi suất quá hạn bằng 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; phí trả chậm bằng 150% lãi suất trong hạn và phí thẩm định tài sản; phí quản lý hồ sơ 0.5%/tháng trên số dư thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và lãi trong hạn; phí phạt vi phạm 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; phí tắt toán hợp đồng trước hạn 7% nợ gốc chưa thanh toán; chi phí tố tụng 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán, phí mượn xe 3% số tiền cầm cố/tháng.

Do nhu cầu đi lại phục vụ công việc, ngày 14/11/2020 bà T đã có đơn gửi Công ty mượn lại chiếc xe đã cầm cố nêu trên. Thời gian mượn xe 01 tháng, kể từ ngày 14/11/2020 đến ngày 14/12/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, bà T đã thanh toán được 1.324.000 đồng, trong đó tiền gốc 517.673 đồng, lãi + phí là 806.327 đồng.

Tính đến ngày 03/01/2025, bà T đã vi phạm hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, đã quá hạn 31 tháng. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 06/7/2024 là 59.743.541 đồng; trong đó, tiền nợ gốc là 14.182.327 đồng, tiền lãi trong hạn 2.652.095 đồng, tiền lãi quá hạn 29.482.711 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 9.643.982 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.134.586 đồng, chi phí tố tụng 2.647.840 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 07/7/2024 đến khi bà T thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

Ngày 29/10/2024, đại diện nguyên đơn Công ty có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi quá hạn 23.632.502 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 9.643.982 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.134.586 đồng, chi phí tố tụng 2.647.840 đồng và rút yêu cầu trả xe. Công ty chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền nợ tính đến ngày 03 tháng 01 năm 2025 là 23.854.674 đồng, trong đó tiền nợ gốc 14.182.327 đồng, tiền lãi trong hạn 2.652.095 đồng, tiền lãi quá hạn 7.020.252 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/01/2025 đến khi bà T thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

Bị đơn bà Phương Thị T trình bày tại Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 26/12/2024: Bà T thừa nhận ngày 14/11/2020 có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty để cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 94K2-103.81, số loại: Honda, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đen bạc, số khung 3926LY010545, số máy: JA39E2010678, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 122814 do Công an tỉnh B cấp ngày 06/11/2020; cầm cố số tiền 14.700.000 đồng, thời hạn 18 tháng, lãi suất, phí như phía Công ty trình bày trong đơn khởi kiện. Bà T nhận trực tiếp số tiền 14.700.000 đồng của Công ty, mục đích để làm vốn mua bán, kinh doanh phục vụ cho gia đình. Sau khi cầm cố xe, bà T có ký giấy mượn lại xe như phía Công trình trình bày. Từ khi cầm cố xe đến nay, bà T đã thanh toán cho Công

ty được số tiền 1.324.000 đồng, đến nay chưa thanh toán số tiền nợ còn lại. Nay bà T đồng ý thanh toán số tiền nợ theo yêu cầu khởi kiện của Công ty. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà T xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ nêu trên cho Công ty.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát chưa phát hiện vi phạm thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu bà T thanh toán số tiền lãi quá hạn 23.632.502 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 9.643.982 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.134.586 đồng, chi phí tố tụng 2.647.840 đồng và rút yêu cầu trả xe mô tô biển kiểm soát 94K2-103.81, số loại: Honda, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đen bạc, số khung 3926LY010545, số máy: JA39E2010678. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 122814 do Công an tỉnh B cấp ngày 06/11/2020. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty đối với bà T. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với bà T về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Buộc bà T thanh toán cho Công ty số tiền nợ tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2024 là 22.684.631 đồng, trong đó tiền nợ gốc 14.182.327 đồng, tiền lãi trong hạn 2.652.095 đồng, tiền lãi quá hạn 5.850.209 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 07/7/2024 đến khi bà T thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty cổ phần S (sau đây viết tắt là Công ty) nộp đơn khởi kiện bà Phương Thị T yêu cầu thanh toán số tiền cầm cố tài sản còn nợ tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2024 là 22.684.631 đồng, trong đó tiền nợ gốc 14.182.327 đồng, tiền lãi trong hạn 2.652.095 đồng, tiền lãi quá hạn 5.850.209 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 07/7/2024 đến khi bà T thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 309 Bộ luật Dân sự. Khi Công ty nộp đơn khởi kiện, bà T có địa chỉ cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kiều D là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Phương Thị T là bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Ngày 29/10/2024, đại diện nguyên đơn Công ty có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện bà T đối với số tiền lãi quá hạn 23.632.502 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 9.643.982 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.134.586 đồng, chi phí tố tụng 2.647.840 đồng và rút yêu cầu trả xe 94K2-103.81, số loại: Honda, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đen bạc, số khung 3926LY010545, số máy: JA39E2010678, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 122814 do Công an tỉnh B cấp cho bà Phương Thị T ngày 06/11/2020. Xét thấy, việc Công ty rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là tự nguyện nên được chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Công ty đối với bà T.

[4] Từ khi bà T cầm cố xe, mượn xe đến nay đã thanh toán cho Công ty được số tiền 1.324.000 đồng, trong đó tiền gốc 517.673 đồng, lãi + phí là 806.327 đồng. Từ ngày 14/01/2021 đến nay, bà T không thanh toán tiền lãi, phí theo thỏa thuận cho Công ty nên đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng và quy định tại khoản 3 Điều 311 Bộ luật Dân sự. Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 03/01/2025 là 23.854.674 đồng, trong đó tiền nợ gốc 14.182.327 đồng, tiền lãi trong hạn 2.652.095 đồng, tiền lãi quá hạn 7.020.252 đồng và tiền lãi, phí phát sinh từ ngày 04/01/2025 đến khi bà T thanh toán xong số tiền nợ gốc nêu trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty.

[5] Về án phí: Công ty khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán tiền cầm cố tài sản (xe mô tô), tiền lãi, phí được các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cùng ngày 14/11/2020 được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 5% trên số tiền phải thanh toán cho Công ty, cụ thể: 23.854.674 đồng x 5% = 1.192.733 đồng.

Công ty không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.494.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004281 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 309, 310, 311, 463, 468 Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Phương Thị T về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi quá hạn 23.632.502 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 9.643.982 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.134.586 đồng, chi phí tố tụng 2.647.840 đồng và rút yêu cầu trả xe mô tô biển kiểm soát 94K2-103.81, số loại: Honda, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đen bạc, số khung 3926LY010545, số máy: JA39E2010678, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 122814 do Công an tỉnh B cấp cho bà Phương Thị T ngày 06/11/2020. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Phương Thị T về việc yêu cầu thanh toán số tiền lãi quá hạn 23.632.502 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 9.643.982 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 1.134.586 đồng, chi phí tố tụng 2.647.840 đồng và rút yêu cầu trả xe mô tô biển kiểm soát 94K2-103.81, số loại: Honda, nhãn hiệu WAVE, màu sơn đen bạc, số khung 3926LY010545, số máy: JA39E2010678, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 122814 do Công an tỉnh B cấp cho bà Phương Thị T ngày 06/11/2020.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bà Phương Thị T về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Buộc bà Phương Thị T thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền nợ tính đến ngày 03/01/2025 là 23.854.674 đồng, trong đó tiền nợ gốc 14.182.327 đồng, tiền lãi trong hạn 2.652.095 đồng, tiền lãi quá hạn 7.020.252 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04 tháng 01 năm 2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng và giấy mượn xe ngày 14/11/2020 mà các bên đã ký kết của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Phương Thị T phải nộp 1.192.733 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Trả lại cho Công ty cổ phần S Có Ngay tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.494.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004281 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần S, bà Phương Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoàng Tính